

TRÚC-KHÉ  
LỊCH-SỬ  
**NAM TIỀN**

của dân-tộc Việt Nam



NHÀ XUẤT BẢN

**NGÀY MAI**

112, HÀNG BÔNG, HANOI.

2010

# LỊCH - SỬ NAM - TIỀN

## của dân - tộc ta

### (VIỆT-NAM DÂN-TỘC NAM-TIỀN SỬ)

ĐỀ - TÙ

Gấm vóc nèn sông một giải liền,

Máu đào xương trắng điểm tó lên.

Cơ trời dù đồi trò tang hải,

Mặt đất chưa tàn nghiệp lồ lién.

Có nước có dân đàng rẽ rúng,

Muốn còn muốn sống phải đua chen.

Giật mình nhớ truyện nghìn năm cũ,

Chiêm Lạp ngày xưa vỗn chẳng hèn.

NHƯỢNG-TỔNG KÍNH ĐỀ

Bắc từ Lạng-sơn, nam Hà-tiên.

Non sông một giải đất đai liền.

Con Hồng cháu Lạc cùng cư tự.

Con cháu còn chẳng nhở lồ-tiên ?

Tồ-tiên gây dựng biết bao công,

Đánh Lạp bình Chiêm trải mấy đồng.

Nghiệp cả nổi noi nê kinh úy,

Sao cho không hổ giỗng Tiên Rồng.

TÁC-GIÀ TỤ-ĐỀ

chung ta ngày nay đó. Than ôi ! Tôi nghe có từng biết gây dựng gian nan, thì mới biết giữ gìn báu trọng, một gã thiếu-niên sinh ra ở cửa nhà hào phú, sẵn ông cha để cho tiền nghìn bạc vạn, tưởng chừng như tiền bạc là một vật nhặt đâu cũng được, tha hồ mà hoang toàng phung phí, dùng bậy tiêu cần, không còn biết doi tiếc gì cả ; nhưng vì có người bảo cho nó biết cái nồng nỗi đê biết bao nhiêu mồ hôi máu mặt của ông cha nó trong khi tu tạo nên cái cờ đồ ấy, nếu nó là kẻ lương tâm chưa mất hẳn, thì tất sẽ giật thét mình lại mà lo tự tu tự tinh tự phấn tự lệ đê bảo toàn lấy công nghiệp huyết hẵn của ông cha. Ấy tôi viết cuốn « Lịch sử nam tiến của dân tộc ta » đây chính là ý ấy.

### Lịch sử nam tiến của dân tộc ta ra thế nào ?

Xét xem lịch sử mở mang bờ cõi của nước ta từ xưa đến nay, có thể gồm vào mà gọi là một cuộc nam tiến ; vì trước sau ta chỉ nhầm tiến về một mặt nam mà thôi. Bởi sao mà như thế ? Bởi vì địa thế của ta nó khiến như thế. Nước ta ngày xưa phía bắc giáp nước Tàu, phía nam giáp Chiêm, Lạp, phía đông giáp bể lớn, phía tây giáp Ai-lao. Ôi dứa cái khoảng núi Tản sông Hồng kia nếu muốn khuếch trương bờ cõi cho rộng lớn thêm có đủ thế lực mà lập nên một nước đứng đầu ở Á-dông, trừ tiến về mặt nam không còn mặt nào hơn nữa. Bởi vì mặt bắc giáp nước Tàu là một nước rất lớn, lo chống chọi với họ đê họ khởi nuốt sống mình còn lo chưa nói, mong gì khai thác về mặt ấy được ;

mặt đông thì đã giáp bắc ; mặt tây giáp với Ai-lao tuy là một nước nhỏ yếu, nhưng vì có nhiều núi cao rừng rậm ngăn cách, thành ra dân muôn mò mang về mặt ấy cũng chưa thể được ; trừ ra chỉ còn mặt nam giáp với nước Chiêm-thành, nước Chiêm-thành lại giáp với nước Chân-lạp, vì có đường thủy, đường lục được tiện, và hai dân ấy đều là dân nhỏ yếu có thể lấn át họ được, vì vậy mà sức mạnh trưởng của dân tộc ta trước sau đều chỉ tràn về mặt nam. Tuy thế mặc lòng, sự khai thác bờ cõi, há có phải là một việc dễ dàu ; huống chi dân Chiêm Lạp cũng không phải hoàn toàn là giống hú hèn, cũng là những cái dân đã từng có một nền văn-minh rất sớm, thế mà lấy như một dân tộc nhỏ ở trong mảnh đất Giao-chỉ nọ, ngày lấn tháng nữa, đã nghiêm nhiên phá diệt được cả Chiêm-thành lẫn Chân-lạp mà dựng nên một nước lớn Việt-Nam, dù biết cái công phu huyệt hán của các đứng tiên dân ta xưa, thực đã lớn lao vô cùng vậy.

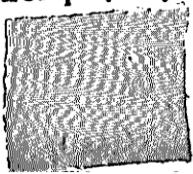
Cứ như các nhà nhân-chủng-học thì bảo dân tộc ta thuộc giống Mông-cồ, song cõi gốc từ đâu mà đến thì mỗi sách nói một khác không sao đủ bằng cứ được. Sách thì bảo dân ta là ròng rỗi Tây-tạng, sách thì bảo là ròng rỗi Giao-chỉ, sách thì bảo là ròng rỗi Việt thường, sách thì bảo là ròng rỗi nước Việt bên Tàu, tống chi đều là những nhời ức đoán cả, chứ không lấy gì làm đích xác. Vậy chúng ta chỉ nên biết rằng chúng ta là riêng một dân tộc ở trong thế giới, tức ngày nay gọi là dân tộc Việt-nam.

Xét về cương vực nước ta đời Hùng dựng nước, đồ bản lúc ấy khác hẳn bây giờ ; cứ như sử cũ thì nói bấy giờ phia đông giáp bờ Nam, phia tây giáp Ba-thục (tỉnh Tứ-xuyên nước Tần bấy giờ) phia bắc hồ Đông định (thuộc tỉnh Hồ-nam) phia nam đến nước Hồ-tôn (sau là Chiêm-thanh), quốc hiệu là nước Văn-lang. Cuối đời Hùng-vương (258 trước tết lịch), Thục-Phán diệt nước Văn-lang dựng nước Âu-lạc, tức là Thục An-dương-vương. Năm Đinh hợi (214 trước T. L.) nước Âu-lạc bị nước Tần đem quân sang lấn, lấy đất Lục lương mà đặt ra 3 quận : Nam-hải (Quảng-đông) Quế-lâm (Quảng-tây) Tượng-quận (Quảng-tây) (1). Cuối đời Tần (207 trước T. L.) quận Ủy quận Nam-hải nhà Tần là Triệu-Đà đem quân diệt nước Âu-lạc mà dựng nên nước Nam-Việt, xưng là Triệu Vũ-vương, đất cát gồm có 3 quận trên và cả đất của Thục An dương vương. Năm Canh ngọ (111 trước T. L.) đời Thuật dương vương nhà Triệu, nước Nam-Việt bị nước Hán diệt mất, thế là từ đó phải nội thuộc về Tần, đời Hán Quang - Vũ năm Kiến-vỹ thứ 16 (Tết lịch 40) vua Trung giáng quân đười quan Thái-thú nhà Hán là Tô-Định, lấy lại được 65 thành đất Lĩnh-nam. Cứ theo như sách Thoái thực ký văn của cụ Trương Quốc Dụng chép thì nói nước ta sau khi nội thuộc về nhà Tây-Hán, nhà Hán chia

(1) Sử ta nói Tượng-quận nhà Tần là đất Bắc-kỳ. Trung-kỳ bấy giờ song so sánh địa- lý và chứng với các sách thì Tượng-quận chính thuộc về một phần đất của tỉnh Quảng-tây nước Tần ngày nay.

đất đặt ra 9 quận là Nam-hải, Uất-lâm, Thương-  
ngô, Hợp-phố, Nhật-nam, Cửu-châu, Giao-chì,  
Đam-nhĩ, Châu-nhai mà gọi chung là bộ Giao-  
chì, sau lại bãi 2 quận Châu-nhai Đam-nhĩ mà  
hợp vào làm 7 quận, quận Giao-chì lĩnh 12 thành,  
(tức là huyện), quận Cửu-chân lĩnh 5 thành, quận  
Nhật-Nam lĩnh 5 thành, quận Nam-hải lĩnh 7  
thành, quận Thương-ngo lĩnh 11 thành, quận  
Uất-lâm lĩnh 11 thành, quận Hợp-phố lĩnh 5 thành,  
cả thảy là 56 thành; vậy thì Đại-Việt sử ký chép  
là vua Trưng đánh đuổi Tô-Đinh lấy được 65  
thành, có lẽ là số 56 mà nhầm là 65 chăng? Như  
thế thì đời vua Trưng cũng có thu phục được cả  
Quảng-đông Quảng-tây vậy.

Sau khi vua Trưng mất nước, nước ta lại  
nội thuộc về nhà Đông-Hán. Năm Kiến-an thứ  
15 (210) đời Hán Hiển-đế, nhà Hán đổi bộ Giao-  
chì mà đặt làm Giao-châu. Năm Hoàng-vũ thứ  
5 (266) nhà Ngô, Ngô-Tôn-Quyền cắt 3 quận Nam  
hải, Thương-ngo, Uất-lâm lập làm Quảng-châu,  
còn 4 quận kia vẫn để làm Giao-châu, nhưng  
không bao lâu lại hợp lại như cũ. Đến năm Vĩnh-  
an thứ 7 (261) Ngô-Tôn-Hưu lại lấy 3 quận trước  
mà đặt làm Quảng-châu, chia Giao-châu Quảng  
chia hẳn ra bắt đầu từ đấy, mà chính là khởi  
diểm cho sự mất đi quá nửa phần đất của nước  
ta vậy. Từ đấy về sau trải qua mấy phen cách  
mệnh, nhưng người mình cũng chỉ khôi phục  
được đất chau Giao mà thôi; đến đời Ngô, Đinh  
độc lập mà đất chau Quảng đã không còn mong  
gì khôi phục lại được nữa.



Mở xem bản đồ thì nước ta mất đất châu  
Quảng túc là mất đi quá nửa phần nước, cương  
vực cùi còn quanh một xứ Bắc - Kỳ và  
3 tỉnh Thanh, Nghệ Tĩnh phía Bắc Trung-kỳ mà  
thôi. Đất thì nhỏ hẹp mà số dân sinh sản một  
ngày một nhiều, sự thê không thể không tìm  
đường bành trướng. Như trên đã nói, ba mặt  
đông tây bắc không phải là con đường có thể  
tiến được, tự nhiên là phải tiến xuống mặt nam,  
huống chi những dân Chiêm-Thành, Chân-Lạp  
ở mặt nam lại thường hay vào quấy nhiễu nước  
ta, ta chẳng giật họ thì họ cũng chẳng dè cho  
ta được yên, nhân thế mà nam tiến là một con  
đường phải đi của ta, mà sự mở mang bờ cõi  
của nước ta gồm cả ở trong một cuộc nam  
tiến vậy.

Nay xin lần lượt chép về cuộc nam tiến ấy.  
Đời vua Lê Đại-Hành niên hiệu Ứng Thiên năm  
thứ 8 (1000) bấy giờ vì nước Chiêm-Thành  
bắt giam sứ-giả nước ta là bọn Từ-Mục, Ngô-  
Sử, vua giận, tự làm tướng đem quân vào đánh  
chém được tướng Chiêm là Ti-mi-thuế, Chiêm-  
vương phải bỏ chạy, quân ta lấy được vàng bạc  
của cải rất nhiều. Vua Đại-Hành lại sai Ngô-Tử-  
Yên đem 3 vạn quân mở một con đường đi bộ  
từ cửa bắc Nâm-giới cho đến châu Đại-lái (đất  
Chiêm, nay là phủ Quảng Ninh thuộc tỉnh  
Quảng-Bình). Lại đào một con sông từ núi Đồng-  
cô cho đến con sông Bà-hòa tức là con sông ở  
xã Đồng-hòa, huyện Ngọc-sơn bấy giờ. Ấy tức là  
khởi đầu cho bước đường nam tiến của dân tộc

ta, vì có hai con đường thủy lục ấy thì quân ta vào đánh Chiêm-Thành mới được tiện đường vận tải vậy.

Nói đến nước Chiêm-Thành tưởng cũng nên thuật về lịch-sử của nước ấy. Nước Chiêm-Thành khi xưa là nước Hồ-Tòn, thuộc về bộ Việt-Thường. Đến nhà Tần đặt làm huyện Lâm-Ấp. Nhà Hán lại đổi làm huyện Tượng-Lâm thuộc về quận Nhật-Nam. Đến thời vua Thuận-Đế nhà Hán năm Vĩnh-Hòa thứ 2 (137) người trong quận ấy tên là Khu-Liên đương làm chức Công-Tào, bèn giết quan huyện lệnh mà giữ lấy đất tự xưng là Lâm-Ấp-vương. Truyền được vài đời rồi cháu ngoại là Phạm-Dật kế lập, Dật mất, người tướng là Phạm Văn cướp ngôi (1) rồi đánh lấn lấy đất nước láng giềng. Từ đó nước mới rộng lớn, Đông Tây rộng 700 dặm. Nam

---

(1) Phạm văn-Nguyễn là một tên đầy tớ của Phạm Ân là quan Uý Luyện Tây truyền qua quận Nhật-Nam thường vào chăn trâu trong khe núi. Tục truyền y bắt được con cá chép hóa thành sắc. Văn đem về đúc làm gươm. Rồi ngoảnh vào mặt trời mà khấn rằng:

« Nếu số tôi đáng làm vua nước này thì xin cho tôi chặt vỡ được hòn đá ». Nói rồi chặt, đá bị vỡ, Văn có ý lấy làm lạ. Xau ra làm tướng. Đến khi Lâm Ấp vương là Phạm Dật mất Văn bèn cướp lấy ngôi và đánh lấn các nước láng giềng, trong tay có tới ba bốn vạn quân. Từ đó mở rộng đất đai mà thành ra nước lớn.

Bắc dài 3000 dặm, phía nam gọi là châu Thi Bi, phía tây gọi là châu Thượng Nguyên, phía Bắc gọi là châu Ô ly, thống trị cả thảy 38 châu.

Đời vua Mục Đế nhà Tấn (347) Phạm văn đem quân đánh Nhật Nam rồi chiếm lấy đất, nói với quan Thứ Sứ Giao Châu là Chu Phồn xin từ núi Hoành Sơn ở phía Bắc Nhật Nam làm địa giới của mình. Phồn không nghe, đến khi Văn mất, con là Phật lên nối ngôi vẫn đóng ở Nhật Nam. Sau bị quan thái thú Cửu-châu là Quán Toại đánh đuổi đi, bèn lại trở về Lâm Ấp.

Năm Nghĩa Hy thứ 9 (413) đời nhà Tấn vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt vào cướp quận Cửu-châu bị quan thứ sử Giao-châu là Trụ Đô đánh chém được. Đến đời Nguyên Giả nhà Tống, vua Lâm Ấp là Phạm-dương-Mại sai sứ sang cống nhà Tống và xin được lĩnh Giao Châu, nhà Tống không cho, bèn lại cướp bóc như cũ. Nhà Tống sai Dân Hòa Chi và Tôn Xác đi đánh phá được quân Lâm-Ấp. Dương Mại chỉ thoát được một mình chạy trốn. Đến sau Phạm Chi nồi ngôi, lại vào cướp Nhật Nam. Thời vua Đặng Đế nhà Tùy, niê¹ hiệu Đại Nghiệp năm Dần (605) sai tông quản Hoan Châu là Lưu Phương đến đánh, đem quân sang đò Đồ lề đi qua về phía nam cột đồng trụ 8 ngày mới vào đến quõc Đô, Phương vào thành bắt được 18 bộ thắn chủ bằng vàng bởi vì truyền quõc đến đó, được 18 đời vậy. Thế là Lâm Ấp bị diệt, từ đó đất thuộc về nhà Tùy. Nhà Tùy chia đặt ra

Làm 3 châu là : Lăng-châu (Quảng-Bình, Quảng-Trị, Thừa-thiên), Nông-châu (Quảng-nam, Quảng-ngãi) Xung-châu (Bluh-định, Phú-yên). Kế lại đổi Đăng-Châu làm quận Tị-Cảnh thống 4 huyện Tị Cảnh, Chu Ngô, Gia Lĩnh, Tây Quyền ; Nông Châu làm quận Hải Âm thống 4 huyện Tân Dung, Châu Long, Đa Nông, An-Tạc ; Xung Châu làm quận Lâm Ấp thống 4 huyện Tương Phố, Kim Sơn, Giao Dang, Nam Cục. Cuối đời nhà Tùy Phạm Chi lại họp quân chiếm giữ đất cũ. Đầu đời Đường, nhà Đường lại dụ hàng được Chi, mới đổi Lâm Ấp làm Lâm Châu, Tị Cảnh làm Lĩnh Châu, Hải Âm là Sơn Châu. Năm Trinh Quán thứ 2 (628) cháu Phạm chí là Phạm Đầu Lê, khôi phục được nước, sai sứ dâng hạt Hoà Chu chim yến ngũ sắc và súng thông thiên tê sang nhà Đường. Đầu Lê mất, con là Long nối ngôi, Long lại bị tên Ma-Âman, Đa-già-Độc giết mất. Người trong nước bèn lập người con nhà cô Đầu Lê là Chư cát Địa lên làm vua đổi quốc hiệu là Hoàn Vương. Trong năm Nguyên Hòa đời Đường Hiến-Tôn, nước Hoàn Vương lại vào cướp châu Hoan, châu Ai (Thanh Nghệ Tĩnh) bị hai quan đô hộ Á-nam đánh thua, bèn bỏ Lâm Ấp mà dời nước vào Chiêm, xưng nước là Chiêm Thành (vì chỗ đó có ngọn núi Chiêm bắc La) đến khi nước ta Độc Lập về thời nhà Đinh, Chiêm Thành định vào cướp kinh thành Hoa Lu (Ninh Bình), xong Hải quân khi vượt qua cửa bắc Đại Ác thì bị bại mà chạy về. Đến đời nhà Lê, Chiêm lại bắt giam xứ già nước ta, vì vậy quân ta lại vào đánh chém được tướng

Chiêm và phá tan thành trở về. Đến đời nhà Lý vua Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 2 (1001) quâo ta lại vào đánh Chiêm Thành ở trại Bố Chính (Quảng Biện) đuổi giặc đến tận núi Long Ty (núi này ở tận phía tây huyện Bình Chính năm dặm.

Đời vua Thái Tôn nhân nước Chiêm thành đã cách 16 năm không chịu vào dung đồ cống hiến, vua Thái-tôn bèn định ra oai cho họ biết sợ, mới đóng ra mấy trăm chiếc tàu chiến theo các binh rồng phượng cá rắn hùm béo anh vồ, luyện tập quân thủy quân bộ cho được tinh nhuệ. Niên hiệu Thiên cảm thánh vồ năm đầu (1014) quân ta bèn đại cử vào đánh Chiêm, do vua Thái-tôn thân đi làm tướng, theo đường thủy tiến vào cửa bắc Ô-long (nay là cửa Tu-hiền, ở phía đông bắc huyện Phú-lộc 1 dặm thuộc về tỉnh Thừa-thiên) đánh nhau với Chiêm-thành một trận, quân họ phải thua, chém được vua họ là Xạ-Đầu và giết chết quân họ hơn 3 vạn người, bắt sống được 5 nghìn người, 30 con voi. Rồi tiến vào thành Phật-thệ (ở xã Nguyệt-biều tỉnh Thừa-thiên bây giờ) bắt vợ con vua họ đến về (1). Còn những người của nước ấy bắt được thì đem phân sáp vào trấn Vĩnh-khang, (tức phủ Tương dương Ngã-đè-an) trấn Đăng-châu tức phủ

---

(1) Trận này vua Lý-Thái-Tôn có bắt được vợ Chiêm-vương Xạ-đầu là nàng My-ê, đem về đền sông Châu-giang (Phủ-Lý) thì nàng gieo mình xuống dòng sông tự-tử.

Quy hóa) mà lập ra làm phuờng ấp. Thời vua Thành-tôn riên hiệu Thiên-huống-bảo-tượng năm thứ 9 (1069), quân Chiêm vào cướp, vua giao cho nguyên-phi quyền coi việc nước, tự làm tướng đi thám chinh, bắt được vua Chiêm là Chế-Cù và 5 vạn người Chiêm đem về. Chế-Cù xin dâng đất 3 châu là: hòn Địa-lái (nay là đất phủ Quảng-ninh tỉnh Quảng-bình), châu Bố-chinh (nay là đất phủ Quảng-Trạch tỉnh Quảng-bình), châu Ma-linh (nay là đất phủ Triệu-p'rong tỉnh Quảng-trị) để chuộc tội mới được tha về. Thời vua Nhân-Tôn răm Thái-ninh thứ 4 (1075) vua sai ông Lý-thường-Kết vì o kinh lý 3 châu ấy, vẽ thành địa đồ, đổi châu Địa-ái làm châu Lâu-bình, châu Bố-chinh, châu Ma-linh làm châu Minh-linh, rồi chiêu dụ cho dân dì ởng ngài vào ở. Chế-Cù mất. Chế-ma-Na nối ngôi, lại cướp lấy 3 châu ấy. Năm Long-phù thứ 4 (1104), quân ta lại vì đánh, do ông Lý-thường-Kiệt làm tướng, đánh phá được Chiêm thành, Chế-ma-na lại phải nộp giỗ đất 3 châu. Thế là đất Quảng-bình và một phần đất Quảng-trị từ đó thuộc hẳn về ta vậy.

Thời vua Lý-Thần-Tôn, Chiêm-thành cùng Chân-lập ra cướp Nghệ-an, bị quan Thái thú là Dương-anh-Nhĩ đánh thua phải chạy. Sau họ lại thường đem thủy sư ra cướp bóc các miền ven bờ.

Sang đời nhà Trần, vua Thái-tôn di thám chinh, bắt được vua Chiêm là Lâu-bố-gia-la và những nhân dân đem về. Năm Hưng Long thứ 10 đời vua Trần-Anh-Tôn (1302), vua Chiêm-thành

là Chế-Mân sai sứ ra cầu hôn và xin nộp hai châu Ô, Ly làm đồ cưới. Vua Anh-Tôn đem bà Huyền-Trân công chúa gả cho rồi đổi châu Ô làm Thuận châu (đất phía Nam tỉnh Quảng-trị) châu Ly làm Hóa-châu (Thừa-thiên và phía bắc Quảng-nam). Thế là bước đường nam tiến của dân tộc ta đã tiến đến nửa tỉnh Quảng-nam rồi vậy.

Sau đó Chiêm-thành thường hay đem quân ra cướp đê báo thù. Cuối đời nhà Trần, Chiêm-thành 3 lần ra cướp phá kinh thành Thăng-long và mấy lần cướp phá Thanh Nghệ, nhân dân cũng chết hại rất nhiều, vua Trần-Duệ-tôn đi thân chinh (1376) dẫn quân đến cửa bờ Thi nại (ở phía đông huyện Tuy-phúc tỉnh Bình-dịnh bây giờ), vua Chiêm là Chế-bồng-nga trả hàng rồi phục quân mà đánh chặn ngang, vua Duệ-tôn phải tử trận, quân sĩ chết mất nhiều lắm. Đến vua Thuận-tôn, Thượng tướng quân Trần-Khát-Trân đón đánh ở sông Hải-trào, Chế-bồng-nga tui phải đạn mà chết; bộ tướng là La-Khai dẫn quân về giữ lấy nước tự lập làm vua, bấy giờ cái nạn giặc Chiêm-thành mới tạm yên.

Đời nhà Hồ niên hiệu Thánh nguyên năm đầu (1400), Hồ-Quý-Lý sai Hành-khiền Đỗ-Hải làm Thủ quan đô tướng, tướng Tả thánh dực quân Trần-Văn làm Đồng đô tướng, tướng Long-tiệp-quân Trần-lùng làm Bộ quan đô tướng, tướng Hữu thánh dực quân Đỗ nguyên Thác làm Đồng đô sướng, đem 15 vạn quân đi đánh Chiêm-

thành. Bộ quân Đô tướng Trần-Tùng vì nghe nghe nhời Đinh-đại-Trung, dẫn quân đi lặn mạn sora cước, cách xa với thủy quân quá, xẩy gặp khi mưa lũ nước lụt, tướng sĩ đánh đóng lại ở dứa đường, tuyệt lương trong 3 ngày giờ, phải nướng áo giáp bằng da ra mà ăn. Khi hồi quân, Trần-Tùng xuýt phải tội chết, nhưng vì có công lao trước, được miễn tội chết mà phải đầy làm quân lính.

Năm Thiệu-thành thứ 2 (1402) mùa xuân tháng hai, vua Hồ-Hán-Thương sai sứa định quân ngũ. Tháng ba sai sứa một con đường từ thành Tây-đô (ở xã An-tôn huyện Vĩnh-lộc tỉnh Thanh-hóa bây giờ) đến Hóa-châu (Thừa-thiên), dọc đường đặt ra phố sá và nhà trạm gọi là đường thiêng lý. Mùa hạ tháng sáu Hán-Thương bắt đại quân vào đánh Chiêm-thành, lấy Đỗ-Mãn làm Đô tướng, Nguyễn-Vi làm Chiêm dù-sứ, Nguyễn-bằng-Cử làm Đồng Chiêm dù-sứ. Quân ta đến bờ cõi Chiêm-thành; Đinh-đại-Trung cưỡi ngựa đi tiên phong, gặp tướng giặc là Ghế-cha-nan, hai người giao chiến cùng chết cả. Vua Chiêm là Ba-dích-lại (con La-Khai) sợ hãi, sai Cậu là Bố-điền đem đảng 2 con voi, một con đực một con trắng cùng mọi đồ phuơng vật, lại đảng đất Chiêm-động để xin ta lui quân. Bố-điền đến, Hán-Thương bắt hiếp phải chừa lại tờ biều, nói đảng cả đất Chiêm-động và đất Cồ-lũy; rồi chia đất Chiêm-động ra làm châu Thăng-châu Hoa (đất phía Nam tỉnh Quảng-nam), chia đất Cồ-lũy ra làm châu Tư-châu Nghĩa (Quảng-Nghĩa) đặt quan

Thăng-hoa an-phủ-sứ để thống trị các châu ấy. Về mạn thươg du thì đặt ra làm trấn Tân-ninh. Chiêm-thành đem nhũng nhân dân ở các đất ấy về nước, còn thi ta thu dùng làm quân. Hán-Thương bèn đổi quan An-phủ sứ lô (1) Thuận-hoa là Nguyễn-cảnh-Chân vào làm Thăng-hoa An-phủ-sứ, rồi thiêng dân mạn bắc vào ở mấy châu ấy, cho cả vợ con được đi theo; lại cho dân nộp trâu chuộc tội để lấy trâu mà cấp cho nhũng dân thiêng cư ấy. Từ đó dân ta thiêng vào ở mặt nam càng ngày càng nhiều.

Hiệu Khai đại năm đầu (1403), quân ta lại vào đánh Chiêm-thành, vua Hồ-Hán-Thương dự chia đất Chiêm ra làm các châu huyện, sai Phạm-nguyễn-Khai thống xuất hai mươi vạn quân thủy bộ tiến vào. Quân pháp rất nghiêm, người nào làm trận mà nhút nhát sẽ bị tội chém, vợ con điền sản sẽ phải thu làm của quan. Đại-quân vào đến Chiêm-thành, vây thành Đồ-bàn (Bình-dịnh) nhưng vì quân đi đã chín tháng giờ, lương hết lại phải kéo về.

Không được bao lâu thì nhà Hồ bại; quân Minh vào chiếm nước ta, ta còn lo chống chọi với giặc Minh chưa xong, vua Chiêm-thành là Ba-Đích-lại nhân dịp đó chiếm lấy 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa mà lại hay vào biên cương cướp phả. Sau khi nhà Lê phục quốc, niên hiệu Thái-hoa thứ 2 (1444), vua Chiêm là Bi-Cai lại vào

---

(1) Lô cũng như tinh bảy giờ.

cướp phá đất Hóa-châu ; vua Nhâm-tôn mới sai ông Lê-Phụ, ông Lê-Khả vào đánh thành Đồ-Bàn, bắt Bí-Cai đem về. Người trong nước mới lập người cháu vua cũ Bố-Đề là Ma-a-quy-lai lên làm vua. Em Quy-lai là Quy-Do lại giàm ách mà tự lập. Sau Bàn-la-trà-duyệt giết Quy-Do mà cướp lấy rồi truyền ngôi cho con là Bàn-la-trà-toàn. Năm Hồng-Đức thứ 1 (1470) mùa thu tháng 8 vua Chiêm là Bàn-la-trà-toàn thân xuất thủy bộ tượng mã vào cướp Hóa-châu. Trấn tướng Hóa-châu là Phạm-văn-Hiền thế không địch nổi mới dồn dân vào cả trong thành rồi đưa thư cáo cấp về triều. Vua Thành-Tôn liền xuống dụ trung binh mộ tướng. Tháng 11, định ra 52 điều quân luật. Ngày mồng 6, vua xuống một tờ chiếu nói việc thân chinh Chiêm-thành, sai thái-sư Lân-quận-công Định-Liệt, Thái-bảo Kỳ-quận-công Lê-Kiện lĩnh quân ba phủ đông nam bắc đi trước, ban bố 24 điều về việc đi đánh Chiêm-thành ra các dinh và các vệ Cầm-y, Kim-ngô, Thành-vũ, Điện-tiền. Ngày mồng 7, vua vào làm lễ cáo ở nhà Thái-miếu. Ngày 16, vua thân xuất đại quân tiến đi, sai bọn tả đô đốc Lê-hy-Cát, Hữu đô đốc Lê-cản-Huy ở lại kinh thành lưu thủ. Ngày hôm ấy ngự giá khởi hành, có mưa phùn và có gió bắc, vua có làm mấy câu thơ rằng : « Trăm muôn tướng sĩ ruồi lên đường, lấm tấm mưa nhuần, gió bắc phương », tức là bài thơ kỷ thực đó. Sai Nguyễn-như-Đồ đến tế ở miếu vua Định-Tiên-Hoàng, để cầu quân đi được thắng trận. Vua lấy bức địa đồ Chiêm-thanh, đồi đặt lại

những tên sông núi. Ngày mồng 3 tháng 12, đại giá đến Thiết-sơn. Ngày 18, thủy quân vào đến Chiêm-thành. Năm Hồng-Đức thứ 2 (1471), ngày mồng 2 tháng Giêng, vua nghĩ rằng đại tướng quân đem quân bước vào cõi giặc thì cần phải có quân sĩ tinh luyện, bèn truyền cho quân Thuận-hóa đều phải ra bờ để thao diễn về đường thủy chiến. Vua lại lo rằng núi sông nước Chiêm nhiều chỗ hốc hiềm chưa biết, bèn sai người thò tú Thuận-hóa là Nguyễn-Vũ vẽ một bức tường đồi dâng trình. Ngày mồng 6 viên Chỉ huy là Cương-Viên bắt đem đến nộp một tên coi giữ ở cửa quan Cầu đê Chiêm-thành là Bồng nga. Viên tú trưởng Sa bê là Cầm tích, tú trưởng Thuận binh là Đao-Vũ hôm ấy cũng vào chầu dâng đồ phuơng vật. Sứ thần Ai-lao là bọn Lang-lệ cũng đem đồ phuơng vật lại dâng. Vua thân soạn bài sách Bình Chiêm ban ra các dinh, trong bài sách nói có 10 lẽ có thể thắng và có 3 việc đáng戒 sợ. Vua sợ tướng sĩ chưa hiểu, sai quan Chỉ huy Nguyễn-thế-Mỹ dịch ra quốc ngữ cho mọi người đều biết. Lại sai quan Giám-sát ngự-sử Lê-bá-Di đem thóc kho Thuận hóa mà chuyển vận đến nơi hành tại. Ngày mồng 5 tháng 2 vua Chiêm là Trà-Toản sai em là Thi-Nại và đại thần 6 người đem 8 nghìn binh tượng lén đến gần dinh vua để mưu đánh úp. Ngày mồng 7 vua sai Tả-du-kích tướng-quân Lê hy Cát, Hoàng nhân Thiêm, và tiên phong tướng-quân Lê-Thế, Trịnh-văn-Sái đem hơn 5 trăm chiếc tàu 3 vạn tinh binh, đang đêm lén ra cửa bờ Cựu-áp (nay là

Tiêu áp thuộc huyện Hà-đông (Quảng-nam), kịp vượt bờ lèn vào cửa Sa kỳ (cửa này nay ở phía đông nam huyện Bình-son tỉnh Quảng-nghĩa) lập lũy đắp thành để chặn đường về của giặc. Quân Chiêm vẫn không biết gì cả. Ngày mồng 7, vua thân xuất thủy quân hơn nghìn chiếc tàu, 70 (?) van tinh binh kéo ra hai cửa bờ Tân áp Cựu áp (Tân áp nay là Đại áp cũng ở huyện Hà-đông, Quảng-nam) cờ bay rợp bờ, trống đánh vang giời, quàn reo rầm rĩ mà tiến vào cửa bờ Thái cầu (Quảng-nghĩa) mặt sai tướng bộ quân là Nguyễn-Đức-Trung đem bộ binh lèn đến mạn sơn cược. Quân Chiêm trong ti ấy quân vua ầm ầm kéo đến đều sợ hãi, chạy cả về thành Đồ-bàn. Về đến núi Mạc-nô chợt thấy Hy-cát đã chặn mặt đường về, hoảng hốt phải chạy vào đường núi, khi giời lương thảo bỏ lại đầy đồng, người ngựa ngã chết khắp núi. Bọn Lê-Niệm Hồng phái binh đuổi đánh, chém chết được một viên đại tướng. Trà Loan nghe tin em thua chạy, sợ hãi, vội sai người thân tín dâng biếu xin hàng. Vua không nghe. Ngày 27, vua thân xuất đại quân phá thành Thi nại, chém được hơn trăm thủ cấp. Ngày 28 vua tiến binh vây thành Đồ hàn. Ngày 29, đến sát chân thành vây chặt mẩy vòng. Ngày mồng 1 tháng 3, vua truyền lệnh cho các đạo quàn đồng thời đánh thành và làm thang bắc trèo lên mặt thành. Một lúc, vua trông thấy quàn tiền kỵ đã trèo được lên tường thành, bèn phát 3 tiếng súng hiệu, truyền quàn chém phá cửa đồng uốn vào, lại sai Đồng thái dám Nguyễn

Đam truyền cho các quân sau khi vào thành phàm các kho đụn tài vật không được cướp phá, Chiêm chúa Trà-toàn bắt được hơn 3 vạn người, chém được hơn bốn vạn cấp. Vua sai quan chỉ huy Ngô-Nhạn dẫn hàng tướng của Chiêm là Bồ-sản-ba-ma đến, sai dàn bầy nhũng của báu đồ vật gì của Chiêm mà nước ta không có để vua coi. Lệnh-úy Đỗ-Hoàn trỏ khắp tùng thú. Có một cái hộp bạc, hình như cái gươm. Vua hỏi đó là vật gì? Hoàn tâu vật ấy từ xưa đến nay phàm vua nước Chiêm tất đều phải có, rồi đời nọ truyền cho đời kia. Quân Thuận-hóa bắt sống được Trà-Toàn dẫn đến trước mặt vua, Trà-Toàn phục lạy xuống đất. Vua hỏi rằng: Nhà ngươi có phải là vua Chiêm không? Trà-Toàn thưa phải. Vua hỏi: Nhà ngươi có mấy con? Trà-Toàn thưa có hơn 10 con. Đỗ-Hoàn nói: Hắn đã biết phép thì xin bệ hạ tha chết cho hắn. Vua bảo Trà Toàn rằng: Trong vòng gươm súng, ta chỉ e nhà ngươi ngộ hại; may không hề gì như thế, ta thật yên lòng. Bèn sai đem Trà Toàn cho ra ở tạm một cái nhà nhỏ. Quân sĩ điệu đi mau quá. Vua bảo: Thông thả chứ mà! Hắn là vua một nước, không nên làm quẫn bách hắn quá như thế.

Trà Toàn đã bị bắt, có người tướng của Trà Toàn là Bô tri tri chạy đến Phan lung (thuộc Bình thuận) giữ được chừng một phần năm đất Chiêm cũ mà xưng là Chiêm thành vương, sai sứ xung thần phung cống. Vua bèn đi kinh lý đến núi Thạch bi (thuộc phủ Tuy

hòa, tỉnh Phú yên) dựng bia định địa giới ở núi ấy (bia ấy nay hây còn, nhưng mòn quá không rõ chữ). Còn từ núi Cầu mồng (thuộc huyện Đồng xuân, tỉnh Phú yên) trở về phía nam thì ưng phong cho Bô tri tri làm vua Chiêm thành, giữ đất đê cung chúc cống; lại phong thêm hai vua Hoa anh Nam bàn và chia ra làm 3 nước để dàng buộc lắn nhau.

Trận binh-Chiem này, quân thanh của ta tung lũy xa gần, khi đại quân khải hoàn, những thò tù ở các động mán dồn đua nhau đem đồ trầu, bão tiễn cống; Trà Toản bị giải về đến sông Thiên phái thì lo sợ mà chết, vua sai chém đầu bêu ở đầu thuyền.

Thế là bước đường nam tiến của dân tộc ta sau trận này thì đã tiến đến biên giới phía bắc tỉnh Phú yên rồi vậy.

Tháng 6 năm ấy (1471), vua Lê Thánh tôn lấy đất Chiêm-thành mà đặt làm Quảng-nam thừa-tuyên và vệ Thăng hoa, và đặt ra Quảng-nam tam ty.

Năm Hồng Đức thứ 3 (1472) em Trà Toản là Trà Toại trốn vào trong núi, rồi sai sứ cáo nạn với nhà Minh và xin phong. Vua Thánh tôn sai Lê Niệm đem binh đuổi theo bắt được Trà Toại, hơn 30 năm rồi chết ở đó.

Năm thứ 21 (1490) định bản đồ trong nước thi thừa tuyên Quảng nam lĩnh 3 phủ 9 huyện  
44 : 1. Phủ Thăng hoa thống 3 huyện Lê giang,

Hy giang, Hà đông. 2. Phủ Tư nghĩa, thống 3 huyện Nghĩa giang, Bình dương. Mô hoa (nay Quảng nghĩa) 3. Phủ Hoài nhán, thống 3 huyện Bồng sơn Phù ly, Tuy viễn, (nay Bình định) Thời vua Lê Hiển tôn, con Trà loại Trà Phúc lấy trộm bài cốt cha trốn về nước rồi sai người sang nhà Minh cầu cứu đóng thuyền bè chở lương đê đồ phản kháng. Đời vua Uy mục bắt được mấy người Chiêm ở ngoài bờ, tra biết mưu ấy, bèn sai Lý tử Văn vào kinh lý Quảng nam để phòng bị, việc ấy mới yên.

Đến đời họ Nguyễn làm chúa phía nam, Chiêm thành vẫn thần phục, sau lại thường hay quấy nhiễu ngoài ven. Năm Tân-hợi (1611), Gia đụ vương sai chủ sự là Văn Phong lĩnh binh đi đánh, chiếm lấy đất đặt làm phủ Phú-an, lĩnh 2 huyện Đồng xuân Tuy hòa (nay tức là tỉnh Phú-an), rồi sai Văn Phong làm thủ đất ấy. Đến đời Sĩ vương, Văn Phong làm phản. Sĩ vương sai phó tướng là Nguyễn-phúc-Vĩnh giáp tan được rồi lập đất ấy làm doanh Trần biên.

Thời Hiển vương, vua Chiêm-thành là Bà tấp xâm vào Phú-an, vương sai cai cơ là Hùng Lộc làm thống binh, sá sai là Minh Võ làm tham mưu, lĩnh 3000 quân đi đánh Hùng lộc tiến binh qua núi Thạch bi, kéo thẳng đến thành, thừa lúc ban đêm phóng hỏa đánh phá. Bà tấp phải chạy đi trốn. Quân ta chiếm đất đến sông Phan giang (1656), rồi lấy ở phía đông sông ấy

đặt ra hai phủ Thái khang (nay Ninh hòa), Diên ninh (nay Diên khánh, phủ Thái khang thống 2 huyện Quảng phúc, Tân định, phủ Diên ninh thống 3 huyện Phúc điền, Quảng xương, Hoa châu, lập ra doanh Thái khang ở Nha trang (nay là tỉnh thành Khánh hòa) để thống trị. Còn phía tây sông ấy thì giả lại cho Chiêm thành, bắt phải hàng năm vào cống hiến.

Thời Minh vương năm 1691, vua Chiêm là Bà tranh lại vào quấy nbiêu phủ Diên ninh. Vương sai Nguyễn hữu-kinh làm Thống binh đi đánh, bắt được Bà tranh và bọn bề tôi là Kế bà tử và bọn thân thuộc là Nương-my Bà-an đem về giam ở núi Ngọc chản, đồi nước Chiêm thành đặt là trấn Thuận thành. Vương lại sai Nguyễn-tri-Thắng giữ Phố-hài, Nguyễn-tán-Lễ giữ Phan-lý, Chu-kiêm-Thắng giữ Phan-lang để phòng những dư đảng Thuận thành. Sau lại đồi làm phủ Bình thuận cho đến Kế-bà-tử làm Khách lý và cho ba con của Bà-an làm Đề-Đốc, Đề-lĩnh, Cai phủ, bắt phải vận mặc theo kiều ta, rồi cho về để cai trị lấy dân.

Tháng chạp năm ấy, người Tàu tên là A-ban cùng với người Chiêm thành là Ô-nha-trát nổi loạn, Minh-vương sai Nguyễn-hữu-Kính cất quân vào giáp tau được đám ấy. Kế-bà-tử kêu r้อง: Từ khi thay đồi chính-trị đến nay, mìa màng mất luôn, nhân dân thì sinh ra tật dịch. Vương thương tình, bèn lại phong cho Kế-ba-ử làm Thuận-thành-trấn phiên-vương để phủ trị lấy binh dân mà hàng năm phải vào nộp cống.

Những người ngựa và kiểng ăn trước bắt được  
cũng giả cho cả. Lại cấp 30 tên lính kinh để  
bảo hộ giúp cho. Năm Chính hòa thứ 18 (1697)  
mới lại lấy đất của Ihuận-thành vương mà  
đặt làm phủ Bình-thuận, lấy đất Phan-lý Phan-  
lang đặt làm 2 huyện An-phúc Hòa-đa. Từ đó  
Chiêm thành mất hẳn về bản đồ nước ta vậy.  
Đó là bước nam tiến của dân ta đã đến hết  
đất Trung-kỳ giáp đất Nam-kỳ.

Nghĩ như Chiêm-thành cũng là một nước  
khai hóa rất sớm đã từng sản xuất ra những  
bậc người tài hàng lược lớn làm cho nước ta  
đòi phen ăn không ngon ngủ không yên ; thế  
mà hay đâu lần lần về sau đến nỗi phải táng  
quốc diệt chủng ! Xét ra có đó chỉ vì dân họ  
không biết tự cường tự phẫn, vì họ chịu ở  
dưới cái chinh thề quân chủ chuyên chế, việc  
nước hay dở đều mặc kệ ở lũ vua quan. Thế  
mà vua quan về sau chỉ thấy sản xuất những  
mặt đơn hèn, lúc bình thường không chịu tu  
tink cho nội lực được dày đủ rồi rào, đối với  
trong thì áp chế bạy, đối với ngoài thì hóc  
hách sảng, quân ngoài vừa kéo đến nơi đã  
lũy vỡ thành tan, cắt đất bồi khoán, ngày nay  
mất một khu, sang năm mất một hạt, trách  
nào mà dần dần chẳng nước mất giỗng cũng  
không còn. Ta chép đến đây suống những vì  
người Chiêm mà phàn nàn ái ngại. Trong cuộc  
sinh tồn cạnh tranh, khỏe sống yếu chết, coi  
đó mà cũng đáng ghê thay ! cũng đáng sợ thay !

Xét tục Chiêm-thành, người nào cũng lấy chiên quấn vào bụng, bỏ giọt dài xuống tarsi chân. Vật tay áo đều hép. Đầu búi tóc mè sau để xõa ra. Vua mặc áo Cát bối, đội mũ bông vàng, rủ tua thắt bao. Đầu về đều để hở, chân đi giày nhưng không có tất miệt. Dân bà cũng búi tóc mái sau, không cài trâm. Vua mỗi ngày về buổi chưa ngồi ghế thiền ỷ, quan-thuộc vào yết kiến chỉ vái một vái, tâu việc xong lại vái một vái rồi ra. Mỗi khi vua đi chơi tất đến vài ngày mới về. Đi gần thì ngồi cái ghế vải, đi xa thì cõi voi hoặc ngồi vào một cái chóng cho 4 người rước. Sai một người bưng mâm con đi trước, đằng sau cho độ vài chục người đi theo, tay cầm cung tên gươm dáo. Dân trống thấy vua đều phải vái. Ngày tháng thì cứ ngày nào mặt giêng mới mọc là đầu tháng hết là cuối tháng, không có tháng nhuận. Ngày đêm chia mỗi phần là 50 khắc. Trống canh chia làm 8 canh. Cứ nửa đêm mời ngủ mà nửa ngày mời dậy. Hết khi có giỗng thì uống rượu hát múa làm vui. Không có giấy bút, dùng da dê nện mỏng hun đeo rồi lấy đoạn tre nhỏ chấm vào vôi mà viết, hình chữ trông như con giun. cứ đến mồng 1 tháng giêng thì dắt voi đi khắp chỗ ở rồi đuổi ra ngoài cõi gọi là tục tà. Tháng tư thì bày cuộc trâu cợp chơi nhau để làm vui. Ngày 15 tháng 11 là tiết đông chí, mọi người ai cũng phải chầu mừng nhà vua. Mỗi năm đến 15 tháng chạp, ở ngoài thành buộc cây làm tháp, rồi vua và quan dân đem sống áo và hương

đặt trên cây tháp mà đốt để tế giời đất, Thuyền  
buôn cứ mười phần thì lấy thuế hai phần, thuế  
hương cũng mười phần lấy hai. Tinh rất ưa  
sạch sẽ, mỗi ngày tắm 3, 4 lần, dùng hương hoặc  
xà để xoa vào mình, lại dùng trầm hương để  
hun quần áo. Vua cứ ở ngoài được 30 năm thì  
lánh vào ở trong thâm sơn, lấy anh em con  
cháu thay ngôi cho mình, mình thì trì trai thụ  
giới, khấn với giời rằng : « Tôi làm vua vô đạo  
xin cho hổ lang ăn thịt tôi đi, hoặc bắt ốm  
đau mà chết đi. » Ở một năm không việc gì  
thì lại về làm như cũ, trong nước gọi là « Tinh-  
lê-mã-cáp-lạt » nghĩa là bức chí tôn chí thánh.  
Có một cái đầm cá sấu, hễ khi nào có cái án  
nghi ngờ không quyết đoán xong thì cho hai bên  
nguyên bị đều cõi trâu đi bên đầm ấy để hễ  
bên nào bị cá sấu uhảy lên đớp lấy ăn thịt thì  
cho tức là bên ấy trái. Hình pháp cũng có gồm  
cùm, lối nhỏ thì đánh roi, tội đáng chết thì trói  
vào cây mà giết. Nếu tội ăn cướp hay giết  
người thì cho voi quật chết. Tội gian, dâm phải  
phạt con trâu. Dân vào núi hoặc ra bờ mà bị  
hổ hoặc cá sấu cắn thì vua sai quốc sư tung  
cầu thần chú và thư phù thì cọp cá sấu nào ăn  
thịt phải đến chịu tội ngay. Tinh cứng cỏi hay  
đánh nhau. Nay những người Hồi ở Bình-thuận  
những người Chàm ở Cao-miên đều là di chủng  
người Chiêm thành cả.

Trên đây đã nói đến khi nước ta kiêm tinh  
được toàn cảnh Chiêm-thành ; nay lại nói việc  
chinh phục Chân-lạp. Xét nước Chân-lạp hoặc

gọi là Cao-miên, hoặc gọi là Cao-mau, nguyên là thuộc quốc của nước Phù-nam khi xưa (Nước Bà-ly ngày xưa cũng ở đất ấy. Sách Gia-dịnh thông tri của cụ Trịnh-hoài-Đức nói nước Bà-ly nay tức là đất Bà-rija). Về sau nước Phù-nam suy nhược, vua Chân-lạp là Saï-ly (họ) Chất-đa-tu-na (tên) bèn kiêm tinh được cả nước Phù-nam. Trong năm Đại nghiệp nhà Tùy, Chân-lạp đã sai sứ thông với Trung-quốc. Trong đời Thanh long nhà Đường (705 - 706), nước mới chia ra làm hai : ở phía bắc nhiều núi gọi là Lục-chân-lạp, đất rộng 700 dặm, vua nước ấy gọi là Thủ khuất ; ở phía nam gần bờ nhiều đầm hồ sông lạch gọi là Thủỷ chân-lạp, đất rộng 800 dặm, vua nước ấy ở trong thành Bá-la-đề-bat. Thời nhà Đường hai nước đều sang cống, đều được nước lầu phong vương. Đến thời nhà Tống, hai nước lại hợp làm một gọi là Chân-lạp. Từ khi nước ta lập quốc, đến mãi năm Thuận-thiên thứ 3 (1012) đời vua Lý-Thái-tô, nước Chân-lạp mới vào cống, từ đó cứ ba năm lại một lần sai sứ đến. Về sau Chân-lạp cùng với Chiêm-thành thường đến xâm phạm đất Nghệ-an, nhưng nhiều lần bị quân ta đánh thua, từ đó không sang cống Tàu nữa. Đến đời nhà Minh, vua Chân-lạp là Hồi-nhi-na-đa mới lại dâng đồ cống sang Tàu. Đến thời Vĩnh-lạc (Minh Thành-tô) lại thôi, vì nước Chiêm-thành xâm nhiễu nghẽn đường cho nên không đi được.

Khi nước ta họ Nguyễn làm chúa ở phía nam, về đời Hiển-vương năm Mậu tuất, (1658)

vua Chân-lạp là Nặc ong Chân (1) xâm phạm vào cõi. Quan phó tướng doanh Trấn biên (Phú-an) là Nguyễn-phúc-Yến phụng mệnh đi đánh, phá được quân Chân-lạp ở thành Hưng-phúc (nay là huyện Phúc-chinh tỉnh Biên-hòa) bắt Nặc ong Chân đem về nộp. Nguyễn vương tha cho Nặc ong Chân, sai quan Bình bộ đưa về nước cho làm phiền thần, cứ hàng năm phải vào triều cống Năm Giáp dần (1674), Nặc ong Chân mất, Nặc ong Non lên kế vị. Có người bê tội là Ô dài làm phản, viện quân Tiêm về đánh. Non phải chạy sang ta cầu cứu, vương sai quan thống binh là Nguyễn dương-Lâm đi cứu. Ô dài phải chạy. Nặc thu xin hàng. Vương nghĩ Nặc-thu là địch phái, bèn phong làm chính quốc-vương, & thành Long-áo, mà phong cho Non làm nhị quốc vương, ở thành Sài-gòn, vẫn phải cống hiến như cũ.

Năm Kỷ mùi niên hiệu Vĩnh-trị thứ 4 đời Lê Hy-tôn (1679) có quan Tông-binhh thành long mòn nhà Minh tên là Dương-ngạn-Địch và quan Tông-binhh ở Lôi-liêm là Trần-thượng-Xuyên cứ binh phản nhà Thanh để mưu khôi phục lấy cơ nghiệp nhà Minh. Song thế không địch nổi, phải bỏ thành mà chạy, đem hơn 200 chiếc thuyền chạy ra bờ lánh nạn, vượt sang hải

---

(1) Sách Gia-định thông chí nói rằng: Nước Chân-lạp chỉ có tên không có họ. Phàm con cháu nhà vua đều gọi là Nặc ong Chân tức là tên. Mà tên nào hay là đặt, dấu ông cháu trùng tên cũng được.

phận nước Nam, sai người cầu cứu với Trịnh vương. Thuyền đậu hơn một tháng không thấy cứu binh, xầy gấp cơn bão to chiến thuyền tan nát mỗi nơi vài cái mà chìm dăm mươi. Đến khi rất cơn bão thu thuyền lại tra điểm thì chỉ còn hơn 50 chiếc và hơn 300 quân mà thôi. Dương ngạn Địch thương tâm khóc lóc, cắt mắt tròng ra bể thi chỉ thấy mặt nước mông mênh, sóng bạc cuồn cuộn, không biết là về địa diện nào. Bấy giờ lương thực lại cạn, quân sỹ phải cắt giày ăn cho đỡ đói, ngạn Địch tròng thấy tình cảnh sầu khổ làm vậy, bèn buông thuyền cho theo chiều gió mà đi, cũng liều sống chết với ngọn sóng. Không còn tướng nghĩ gì nữa. Xây một hòn thuyền giật vào bãi cát gần chân núi. Ngạn-Địch hỏi bon thủ hạ xem đây là địa phận nào. trong thuyền có một người thủ hạ tên là Quách-tam-Kỳ nguyên năm trước đã từng đến đó buôn bán, mới nói rằng:

— Đây là hải phận An-nam. Ngạn-Địch hỏi :

— Tướng sỹ, thành quách, mạnh yếu thế nào ? Ta thử đem quân vào, mượn đất ở rồi cướp lấy thanh trì, sau sẽ liệu kế khác, phỏng có được không ? Quách-tam-Kỳ nói :

— An-nam nước giàu dầu nhiều, tướng hùng binh mạnh, thành quách thì hiểm cỗ, nghè thủy chiến bộ chiến đều có luyện tập, các nước láng giềng không dám quấy nhiễu. Năm trước có đảng giặc O lan, cậy tài về nghề thủy chiến, bọn ấy đem hơn 10 chiếc tàu, cướp bóc vùng

men bờ An-Nam, bị quân An-nam đánh phá giết chết, máu đỏ loang đầy mặt bờ. Từ đó Ô lan không dám bén đến gần cõi, huống chi là quân của ta!

Dương Ngạn-Địch bèn truyền lệnh cho các chiến thuyền rời ra xa bãi một ít mà đóng, ngay thì khuya chiêng đồng thi treo đèn làm hiệu, định hễ có người ra tra hỏi thì nói xin đem binh đầu hàng để lấy chỗ lương thảo cho được yên ổn. Tướng-sĩ vâng lệnh hạ neo, đóng thuyền từ cửa bờ Noãn hải cho đến cửa bờ Hà Năng. Quân tàn bờ của chúa Nguyễn trông thấy, phi báo về triều. Hiền vương kịp sai thủy quân đem chiến thuyền ra trấn các cửa bờ để phòng ngũ địch. Thủy quân được lệnh, đâu đấy phòng thủ cẩn mật. Quan thủ tướng ở cửa bờ Tự Dong (nay là Tư hiền) là Tri-Thắng bơi một chiếc thuyền nhỏ ra gần thuyền Long-môn, quát to hỏi rằng :

— Chiến thuyền nào, dám đậu ở cửa bờ nước ta, ý muốn làm gì, phải nói cho mau.

Dương Ngạn-Địch trông thấy thuyền của ta đến thì sai dựng ngay một lá cờ trắng để tỏ ý xin hàng. Đến lúc Trí-Trắng hỏi thì Quách-tam-Kỳ nói rằng :

— Chúng tôi đây là quân của Đặng khố tướng quân Dương Ngạn-Địch ở thành Long-môn, nhân vi kháng cự với nhà Thanh, phải bỏ thành vượt bờ trốn nạn, chẳng may lại bị gió bão xiêu giật đến đây, vậy xin đầu hàng quy quốc nương nhờ tinh mệnh, Xin đại vương thương cho người bị nạn, tàn với quốc vương

để tố giãi tình thực của chúng tôi. Trí Thắng nói :

— Các ngươi nếu tình thực có nhân tâm đầu hàng thì mau mau đến vương đình mà bày tỏ tình thực để tùy vương lệnh xử phân.

Dương-ngạn-Địch mừng lắm bèn viết hàng biều sai phó tướng là Hoàng-Tiến và Quách-tam-Kỳ đem biều văn và lê vật theo Trí-Thắng vào triều, Bọn Hoàng-Tiến dâng biều tố hết sự tình. Hiền vương xem biều, thương cho kẻ bị nạn, bèn sai người đem tiền thóc gạo ra chấn cấp cho thuyền Long-môn, rồi cho bọn ấy vào ở đất Giản phố (tức Sài-gòn ngày nay) nước Chân-lạp, để cho mở mang những đất bỏ hoang và trao cho quan tước. Bọn Ngạn-Địch vào tận cửa khuyết lạy tạ rồi chia nhau ra ở các đất Đồng-nai, Mỹ-thọ, Bàn lân (Biên hòa) phá rừng phá ruộng, lập nên cửa nhà phố xá, từ đó người Tàu người Tây dương người Nhật-bản mới chở thuyền đến đó buôn bán một ngày một thịnh vượng vui vẻ.

Năm Mậu thìn niên hiệu Chính hòa thứ 9 đời Lê-huy-Tôn (1688), bấy giờ Nam triều Nghĩa vương làm chúa. Phó tướng Long-môn là Hoàng-Tiến ở Cao-miên giết chủ tướng là Dương-ngạn-Địch mà cướp lấy binh quyền tự xưng là Phấn-dũng hổ oai đại-tướng-quân, thống lĩnh dư đảng Long-môn, dời đồn đến Bến-tre lập dinh cắm trại, chế tạo xúc xích sắt và thuyền bè để chặn giữ cửa bắc. Thả binh cho cướp bóc của dân Cao-miên.

Lại bắt vua Cao-miên là Nặc-Non xẻ gỗ đóng tàu, hoặc lại bắt lấy người Cao-miên, khi năm sáu mươi người, khi bảy tám mươi người, mà bắt vua Cao-miên phải chuộc mỗi người là 30 lạng bạc; nếu không chuộc thì chém giết đi. Vua Cao-miên đem nộp cống Nam triều, cũng đón đường mà cướp lấy của. Bởi vậy dân Cao miên ai nấy đều ta oán mà vua Cao-miên cũng tức giận vô cùng. Nặc thu mệt triệu tướng tá đến nhỉ rằng:

— Từ khi Hiền vương bên Nam triều trị vì, đất nước ta rất nhân hậu, ta cảm ân đức ấy nên mới phục tòng. Năm trước Hiền-vương cho bom tướng tá Long-môn sang ngũ ở nước ta, khi đó bọn ấy còn biết giữ luật pháp không dám quấy nhiễu dân ta. Nay Hiền vương đã mất, tàn vương nối ngôi, Hoàng-Tiến giết chủ tướng mà cướp lấy quyền, sinh lòng phản, tàn hại dân ta. Vậy mà tàn vương không thấy trừng trị gi, hoặc là dong túng cho nó làm càn, hoặc là chưa biết sự ấy, hai lẽ đó ta cũng chưa biết thế nào. Song nước ta về hối trước, các vị tiên vương ta khai cơ lập nghiệp đời đời bảo thủ địa giới chứ không phải thần phục nước nào. Nay đến đời con cháu là chúng ta suy yếu đơn hèn, đê đến nỗi bị người ngoài họ kiềm chế được, ta nghĩ thực lấy làm sỉ nhục không biết chừng nào. Nay lại bị Hoàng-Tiến nó xử tàn ác thế này thì chịu làm sao cho được? Vậy ta muốn nhờ sức các tướng trước hết trừ Hoàng-Tiến, rồi ta phản kháng Nam triều mà giữ lấy cơ nghiệp của tổ tiên, rửa cho cái nhục làm tôi nước khác. Chẳng hay các tướng nghĩ thế nào?

Tướng Cao-miên là Óc-Nha, Hà-Chúc, Cổng-Sa đều nói rằng:

— Đại vương nói phải lắm! Nam triều là một nước, ta cũng là một nước, hè tắt ta phải cùi đầu mà chịu nhục! Chúng tôi xin hết sức hèn mọn để giúp đại vương, trước hết trừ Hoàng-Tiến, thử nhì giết Nặc - Non, rồi sau sẽ phản kháng Nam triều kéo cùi mắc vòng kiềm chế mãi.

Nặc - Thu mừng lắm, bèn sai sứa sang thành Nam-vang, đắp ba lũy La bích Cầu nam Trà vịnh, chế tạo chiến thuyền, đúc súng đại bác, tu luyện khí giới để phòng cự địch. Một mặt tuyệt sự cống hiến, bắt những người buôn bán nước Nam ở lại Cao - miên, không cho về nước, vì e tiết lộ tin tức.

Nhị vương Cao - miên là Nặc - Non ở Sài-gòn biết được mưu ấy, sợ hãi không biết chừng nào, và lại vừa giận Hoàng - Tiến tàn ngược, bèn viết mật biểu kêu hết sự tình Nặc-Thu Hoàng-Tiến, sai người tâm phúc đem sang trình bẩm Nam - Triều. Nghĩa vương xem biểu cả giận mà rằng:

— Nặc - Thu là một đứa man nhung tiều bối, dám mạnh dạn tát kháng cự với ta à! Còn như Hoàng - Tiến thì là một đứa bại binh cùng khốn, siêu đạt ngoài bờ, không có chỗ nào dòng thân, khi xưa tiên vương ta thương tình lưu lạc mà cho ngụ đất này để được có nơi yên ở. Chúng nó không biết báo đáp ơn ấy, lại dám sinh lòng phản nghịch, tàn hại lương dân, tội ấy không thể nào dung được.

Nghĩa-vương bèn triệu quân tham vào thương nghị để sai tướng cầm quân đi đánh giặc. Chưởng danh là Minh-liêu hầu đứng lên bầm rắng :

— Cao mên nỗi loạn chẳng qua như loài cáo chuột quấy rối mà thôi, bà tất phải động binh triều đình nhọc đến đại tướng ! Tôi nghe viên cai cơ ở Nha trang là Nguyễn-ћhang-Long có đủ trí mưu dũng lược, năm y đã du lịch đất Cao-mên quen thuộc tò thò thủy, nên sai y cầm quân đi đánh giặc chắc là được việc. Lại nên sai Hoàng Tiển làm tiên phong. Lĩnh binh bắn bộ đi trước để xem tình ý hắn ra sao. Nếu hắn thực lòng phụng mệnh đem quân đi giáp giặc thì cũng giúp được một tay cho ta, ta nên tội trước cho hắn ; bằng hắn còn do dự thì ta sẽ trừ di. Mέ trước có Nặc-Thu ngăn cản, mé sau quân ta kéo đến, Hoàng-Tiển dù có mọc cánh cũng không bay đi dǎng giờ nào được. Ta giết xong Hoàng-Tiển kéo quân sang thẳng cao-mên, chẳng khác gì cơn gió to quét đám lá rụng, chỉ chớp mắt là thành công, đó là cái kẽ lưỡng toan đấy.

Nghĩa vương mừng lắm truyền lệnh sai Nguyễn Thắng-Long làm thống binh, Văn vị làm tham mưu, Hoàng-Tiển làm tiên-phong lĩnh binh đi đánh Cao-mên.

Xây có tên là thiến lộc nguyên là cháu ngoại quan phó tướng doanh trấn-biên là Mai-vạn-Long tính và tham lam, nghe đât cao mên lắm của sinh lòng đồ-lợi, bèn vào triều bầm rắng :

— Cậu tôi là Mai-vạn-Long sai tiều thần vào bái bầm rằng : Cậu tôi mong ơn vương thượng, trấn thủ biên cương, chức làm đại-tướng, hưởng lộc nhơn của triều đình nên phải báo ơn triều đình mới phải. Nay nước Cao-Môn phản bội, vuông thượng sai Thăng-long làm thống binh, thế là cho tỳ tướng giữ trách nhiệm của đại tướng đó. Cậu tôi xấu hổ, còn mặt mũi nào trông thấy người nước Nam nữa. Vậy xin vương thượng cho cậu tôi được lĩnh chức ấy để giáp nơi biên cảnh, cho tôi đôi chút công danh đôi chút với đời.

Nghĩa vương phán rằng :

— Ta không phải là không biết cậu ngươi song việc đi đánh Cao-môn là đám giặc nhỏ, can gì phải đem ngọc ra chơi với đá. Huống chi đường đất xa xôi, núi rừng hiểm trở, cho nên ta không nỡ sai y đó thôi. Thiêm-Lộc bầm rằng :

— Vương thượng thương đến lão thần, ơn tày giờ bẽ, dù tan xương nát thịt cũng chưa báo đền được ơn ấy. Song xem như mã-Viên-Triệu-Vân ngày xưa. Ngoài 70 tuổi còn cõi ngựa cầm quân đi đánh giặc được, huống chi cậu tiều thần chưa đến 60 tuổi mà sức vẫn mạnh mẽ, có lẽ nào lại dám từ lao ? Vậy xin vương thượng cứ cho cậu tiều thần lĩnh binh đi đánh giặc cho được thỏa lòng ao ước.

Nghĩa vương cười, mà rằng :

— Nhà ngươi nói cũng có lẽ phải. Bèn lại đòi sai Mai-vạn-Long làm thống binh, cai cơ là thăng son, và cai đội là Tân-lê làm tả húu vệ trợ. Hoàng

Tiến thì vẫn làm tiên phong như cũ, còn Thắng long, Văn vị cũng đều cho đi tòng chinh cả.

Mai-vạn-Long phụng mệnh, hội hợp các tướng chinh diêm binh mã khí giới, kén ngày 17 tháng chạp cất quân lên đường.

Hạ tuần tháng giêng năm Chính hòa thứ 10 (1689), Mai-vạn-Long đem binh đến địa giới Cao-mên, vào cửa bờ Mỹ thọ rồi tiến thẳng đến xứ Lạch ngâm (1) làm trại đóng quân ở đó. Mai-vạn Long sai người đem vương chỉ đến Bến tre, sai Hoàng Tiến làm Tiên phong, đem binh bắn bộ đi đánh Nặc Thu; một mặt sai người báo tin cho Nặc Non biết. Nặc-non mừng lắm, đến tại dinh Lạch ngâm chào mừng Vạn-Long, rồi thuật hết tình do của Hoàng Tiến và Nặc-lhu và xin mau mau đem quân đến trừ hại cho. Mai-vạn-Long nói:

— Tôi đã có định kế rồi, nhà vua bắt tất phải lo gì cả.

Nặc-non cáo từ trở về báu dinh dự bị tướng sĩ để chờ tiếp ứng.

Nói về Hoàng Tiến từ khi giết chết chủ tướng cướp lấy binh quyền làm nhiều sự tàn bạo thì vẫn chỉ lo triều đình đem binh đến hỏi tội. Nay đột nhiên thấy sai mình làm tiên phong, trong bụng nghi ngờ, bèn thủ hiềm mà không dám đến. Mai-vạn-Long thấy Hoàng-Tiến không phụng chỉ rõ ra có tình bội nghịch, muốn tìm cách đe trừ đi, bèn hội các tướng lại bàn kế. Bộ-tướng là Văn-Thông hiến kế rằng :

---

(1) Sau thuộc huyện Đăng xuyên tỉnh Định tường.

— Hoàng-Tiến có một người đồng hương (người Long-môn) tên là Trương-lão-gia, xưa nay hắn vẫn nghe tiếng Trương mà vẫn chưa được giáp mặt. Thống binh nên dùng kế mai phục, rồi sai một người vận mặc giả dạng người Tàu, tự xưng tên là Trương-lão gia đến dụ Hoàng-Tiến thì hắn chắc chắn lời mà phó hội, ta sẽ thừa cơ giết chết hắn đi,ắt là xong việc.

Vạn-Long mừng mà hỏi rằng :

— Kế ấy hay lắm. Song trong bộ tướng có ai biết tiếng Tàu mà nhận được việc ấy không?

Văn-Thông là một người có tài biện bác, lại hiếu tiếng Tàu, bèn tình nguyện nhận việc đi dụ Hoàng-Tiến, Vạn-Long mừng rõ sai Văn-Thông y theo kế ấy mà làm.

Văn-Thông vận mặc giả làm người Tàu, một mình đi đến cửa dinh Hoàng-Tiến, tự xưng là người ở Long-môn, tên là Trương lão gia. Hoàng-Tiến thấy người ở quê hương đến chơi, mừng rỡ vô cùng, sai người ra đón vào trong dinh tiếp đãi tử tế.

Văn-Thông chào mừng Hoàng-Tiến một cách đầm thắm, trước còn nói mấy câu hàn huyên, rồi dần dần nói đến việc quân tình. Hoàng-Tiến nói :

— Tôi vẫn được nghe tiếng tiên-sinh mà chưa được tiếp kiến lần nào. Nay tiên sinh hạ cố đến đây, chẳng hay ý muốn dạy bảo cho điều gì chẳng? Trương lão gia nói :

— Tôi nghe tướng quân có tri lòn, lại gặp phải lúc nguy hiểm này, vậy nên tôi muốn đến giúp tướng - quân.

Hoàng - Tiển mừng lắm, sai bầy tiệc dê tiếp đãi. Trong khi uống rượu hỏi rằng:

— Tiên-sinh có kẽ gì hay, giúp cho tôi được nên việc thì xin dạy bảo cho biết.

— Tướng quân liệu sức mình đối với Vạn-Long thế nào ?

— Tôi xem chừng sức tôi không địch nổi với quân Nam-triều được.

— Có như thế thực. Nếu Nặc-Thu ngăn mặt trước, Vạn-Long đánh mặt sau thì tướng quân làm thế nào ?

— Ấy tôi đương chưa biết nghĩ làm sao đây.

— Tướng quân chẳng qua có được một vài nghìn quân, nương đậu đất người, đánh ra thì sức địch không nổi, muốn thủ hiểm thì không có thể bền lâu, ấy là một cái nguy cơ ở trước mắt đó. Tôi thiết tướng quân mới được yên ổn thì chỉ bằng lại tùng phục với Nam triều. Nay Nam triều sáu tướng quân làm tiên phong đi đánh cao-mên tướng quân nên nhân dịp này, đến hỏi kiến quan Thống-tướng, trước là xin nói sau xin phung mệnh đi đánh giặc để lập công chuộc tội. Nên bình định xong Cao-mên, Nam chúa chắc cũng không quên công của tướng quân, hẳn lại được trấn thủ một nơi, hưởng cuộc phủ quý, có phải là lưỡng toàn cả không ?

Hoàng - Tiễn nghe dịu tai bèn xin vàng nhời  
Trương lão già xin đến nói trước với Vạn - Long  
để định ngày đến hội, mới từ biệt mà trở ra về.

Văn - Thông trở về thuật chuyện với Vạn - Long,  
Vạn - Long bèn chia binh ra mai phục, rồi lại sai  
Văn - Thông đến hẹn ngày với Hoàng - Tiễn.

Đến ngày, Hoàng - Tiễn đem 5 chiếc thuyền và  
vài trăm quân thủ hạ đến dinh Lạch - ngâm để hội  
với Vạn - Long. Vừa bước vào cửa dinh thì  
quân phục bốn mặt đều đồ ra đánh. Hoàng - Tiễn  
thất kinh biết là mắc mèo, liền bỏ cả chiến thuyền,  
dẫn thủ hạ đánh tháo lấy đường mà chạy thoát  
về phía tây nam. Vạn - Long thừa thắng kéo quân  
vào lũy Bến - tre, chiêu an dư đảng Long - môn,  
quân sỹ Long - môn thấy chủ tướng đã chạy trốn  
rồi, đều phải ra đầu hàng cả. Vạn - Long bèn cho  
Trần - thương - Xuyên làm quản lính để thống quản  
quân Long - môn, rồi sai làm tiên phong đi đánh  
Nặc - Thu.

Nặc - Thu nghe tin Nam quân kéo đến liệu thế  
cự địch không nỗi, bèn tuyển lấy một người con  
gái Cao - miên tên là Chiêm - giao - Tân rã cai nhau  
sắc và lại có tài ứng đối sai đem vàng lụa lại dâng  
mà nói rằng :

— Nước tôi vốn vẫn thần phục thiên triều,  
mấy năm nay dâng đồ cống hiến đều bị Hoàng -  
Tiễn chặn đường cướp mất. Hoàng - Tiễn lại xâm  
nhiều bờ cõi, cho nên nước tôi phải phòng bị chứ  
có dám mạnh lòng phản nghịch đâu.

Vạn-Long tin nhời ấy, thâu nhận lẽ vật, hạn cho Cao-miên phải đem vàng bạc đến chuộc tội, một mặt sai người về báo với Vương triều, một mặt sai tướng chia quân đóng các nơi khai khẩn đất cát làm ruộng chờ không tiến đánh nữa.

Nặc-Thu thấy Vạn-Long không đánh, cũng cứ dùng dâng không chịu dâng đồ chuộc tội. Vạn-Long đóng quân lâu ngày không được việc gì Nguyễn-thắng-Sơn bèn dâng tờ khải về triều, nói

rõ sự tình ấy. Nghĩa vương nỗi giận, cách hết quyền chức của Vạn-Long mà sai Nguyễn-hữu-Hào vào thay chức cho Vạn-Long.

Nguyễn-hữu-Hào phung mệnh tiễn binh vào đóng tại Gò-bích. Tháng năm, Nghĩa vương sai trung sứ vào truyền cho Nguyễn-hữu-Hào rằng:

— Nặc-Thu nếu muỗn chuộc tội thì phải đem hiến 50 con voi đực, 500 lượng vàng, 20000 lượng bạc thì mới được rút quân về, nếu không được thế thì phải thúc quân tiến đánh.

Hữu-Hào sai người đến bảo Nặc-Thu, Nặc-Thu lại sai Chiêm dao tân đem vàng bạc đến dâng Hữu-Hào mà xin hoãn hạn cho đê thu xếp. Hữu-Hao ăn lẽ cho hoãn hạn. Nghĩa vương được tin ấy, lại cách hết quyền chức của Hữu-Hào. Không bao lâu thì Nghĩa vương mất nên việc kinh lý Cao-miên lại đình hoãn lại.

Năm Mậu-dần niên hiệu Chính hòa nhà Lê thứ 19 (1698) chúa Nguyễn là Minh vương nhân năm ngoái (1697) đã thu cả được đất Chiêm-thành vào bản đồ rồi, bấy giờ bèn sai Nguyễn-hữu-Kinh làm

Thống soái đem binh vào kinh lược đất Cao-miên, lấy đất Đồng-nai Sài-gòn đặt làm phủ Gia-dịnh, ở Đồng-nai đặt ra huyện Phúc-long (nay là Biên-hòa) lập doanh Trấn biên, ở Sài-gòn đặt ra huyện Tân-bình, (nay là Gia-dịnh), lập doanh Phiên-trấn, đặt đồn canh giữ, mở mang nghìn dặm, được hơn 4 vạn nóc nhà, lại chiêu mộ những dân nghèo ở mạn ngoài vào đó, đặt thành xã thôn, khẩn ruộng phá đất, lập ra số đình điền; lại họp bao nhiêu người Tầu ở ngũ tại Trấn biên đặt làm một xã Thanh-hòa, ngũ tại Phiên-trấn đặt làm một xã Minh-hương, từ đó các thương khách cũng thành dân định cư.

Tháng 8 năm Kỷ-mão (1699) Nặc-Thu lại làm phản, Minh vương sai Nguyễn-hữu-Kính làm Thống-soái, Phạm-cầm-Long làm Tham-mưu, Nguyễn-hữu-Khánh làm tiên phong, hội hợp với tướng sĩ Long-môn đi đánh Cao-miên. Nguyễn-hữu-Kính đem quân đến thắng thành Nam vang (N o m p e n h) phá tan quân Cao-miên, Nặc-Thu phải đến tại cửa quân xin hàng Hữu-Kính rút quân về đóng ở gò Lao đồi, gặp khi mưa to gió lớn, gò sát đồi một mảng đất, tiếng ầm ầm như tiếng sấm. Đêm hôm ấy, Hữu-Kính chiêm bao thấy một người mặt đỏ my trắng, tay cầm cái phủ việt nói rằng: « tướng quân nên về trước cho maul kéo ở mãi đây thì có điều bất lợi. » Khi tỉnh dậy, nghe thấy trong mình khó ở nhưng vẫn cười nói như thường dề vén bụng quân sỹ. Sa, mệt nặng quá phải rút quân về; về đến Sầm khê thì mất, bấy giờ Ông 51 tuổi. Ông Nguyễn-hữu-Kính

là con thứ hai ông Chiêu-võ-hầu Nguyễn-hữu-Dật  
thứa nhỏ theo cha đi đánh giặc, trải quen việc  
hàng trận, trí lược lại hơn người, nước ta mở đất  
Nam-kỳ, phần nhiều là nhờ ở công lao ông ấy.

Tháng 7 năm Ất-dậu (1905) nước Cao-miên có  
nội loạn. Nguyên vua Cao-miên là Nặc Thu, tuổi  
già, hai con là Nặc Thâm Nặc-Yêm vì tranh ngôi  
mà đánh lẫn nhau. Nặc-Thâm lại cầu quân Tiêm  
la đến giúp. Nặc-Yêm phải trốn chạy sang cầu cứu  
với nước ta. Nam triều sai cai cơ Nguyễn-cửu-Vân  
thống lĩnh quân thủy bộ ở Gia Định vào đánh Nặc  
Thâm mà đưa Nặc-Yêm về nước. Cửu-Vân tiến  
quân đến Lạch ngâm, gặp quan Tiêm la. Hai bên  
đánh nhau dữ dội, rồi quân ta phá được quân  
Tiêm. Nặc-Thâm phải thu binh chạy trốn sang  
Tiêm, Cửu-Vân bèn đưa Nặc-Yêm về thành La-  
Bích. Nặc-Thu tinh nguyện truyền nước cho Nặc  
Yêm, bèn lập phong Nặc-Yêm làm vua Cao-miên.

Năm Mậu tú niên hiệu Vĩnh thịnh nhà Lê thứ  
4 (1908), có người Tàu tên là Mạc Cửu, nguyên  
người Lôi châu tỉnh Quảng đông. Từ khi nhà Minh  
mất, nhà Thanh lên, bắt người nước Tàu phải  
giác tóc để bím theo tục Mân. Mạc Cửu nghĩ nước  
mất đàn tan, bị ngoại tộc chúng vào áp bức như  
thế là nhục, bèn không chịu giắc tóc mà trốn  
sang Cao-miên. Ở ở đất Sài nạt. Mạc-Cửu sang  
ở đó thấy có nhiều người cá nước tụ hội buôn  
bán và hay đánh bạc, bèn mở ra sòng đánh bạc  
mà lấy tiền bồ, sau lại đào được một bồ bạc, làm  
nên cự phú. Mạc-Cửu bèn mua người khan đất các  
sứ Phú-Quốc, Cần-bột, Giá-khê, Lũng-kỳ, Hương

ảo, Cà-mâu, lập nên 7 xã thôn. Đất ấy nhân có chuyện người tiên hiện ra ở trong sông, bèn đặt tên là đất Hà tiên. Năm Giáp- ngọ (1714) Mạc-Cửu thấy thế ta mạnh, bèn dâng cả đất cát đã khai khẩn được, mà xin phong cho làm chức trấn thủ đất ấy. Minh vương phong cho Mạc-Cửu làm Hà-tiên Tông-trấn Mạc-Cửu lĩnh chức lập ra dinh lỵ có thành có lũy gọi là Phương thành. Dân các nơi kéo đến ở đó mỗi ngày mỗi đông, chẳng bao lâu mà thành ra một nơi đô ấp thịnh vượng.

Sang đến đời Nguyễn Ninh-vương, vương thấy đất Gia-dịnh rộng rãi lắm, bèn chia trong địa giới đặt ra châu Định viễn, dựng doanh Long hồ, về sau là tỉnh Vĩnh-long tỉnh Định-tương.

Lại nói về khi vua Cao-miên là Nặc-yêm mất con là Nặc-Tha kế lập. Nặc-Thâm ở bên Tiêm về Nặc-Tha không cho về. Nặc-Thâm đem binh đánh Nặc-Tha phải chạy ra Gia-dịnh. Nặc-Thâm bèn giữ lấy nước. Đến khi Nặc-Thâm chết, 3 con là Đôn, Hản, Yểm tranh nhau ngôi. Quân ta sang giáp yên được, bèn đưa Nặc-Tha về nước. Con thứ ba của Nặc-Thâm là Nặc-Nguyễn cầu viện bên Tiêm về, để đánh Nặc- 1 ba Nặc-Tha phải chạy, chẳng bao lâu rồi mất, Nặc-Nguyễn bèn làm vua Cao-miên. Đời Nguyễn Võ-vương, năm Canh ngọ (1750) Nặc-Nguyễn cất binh xông vào Côn-man (thuộc đất Bình-thuận bây giờ). Năm Quý-dậu (1753) Võ vương sai Thống soái là Thiện Chinh và tham mưu là Nguyễn-cư-Trinh đem binh năm doanh đi đánh. Bốn phủ Lôi-lạp, Tầm-bôn, Cầu-nam, Nam-vinh đều xin hàng. Nặc Nguyễn phải trốn

Ông Cử Trinh chiêu phủ dân Côn man, hộ tống hơn 5000 người về đóng ở núi Ba đình. Đến sau Trương phúc Du vào thay Thiện Chính làm Thống soái, lại đến đánh thành Nam vịnh, Nặc Nguyên phải chạy ra Hà-tiên nương nhờ Mạc-thiên-Tú xin dâng hai phủ Tầm bôn, Lôi-lạp để chuộc tội. Ông Nguyễn-cử-Trinh tâu việc ấy về triều xin hộ. Võ vương bèn sai rút quân về. Đó là việc năm Định phủ (1757) vậy.

Sang năm sau Mậu dần (1758). Nặc-Nguyên mất, người chú họ là Nặc Nhuận quyền coi việc nước, lại dâng 2 phủ Trà vịnh. Ba. thắc. Nặc Nhuận chẳng bao lâu bị người con rể là Nặc Hình giết chết. Con Nặc Nhuận là Nặc tôn phải chạy ra Hà-tiên. Mạc thiên Tú tâu về triều xin cho Nặc Tôn được lập phong. Vương bèn sai tướng sĩ 5 doanh hộ tống Nặc Tôn về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm bôn Long và cắt 5 phủ Hương áo. Cần bột, Chân sâm, Sái mạt, Linh quynh để tạ ơn Mạc thiên Tú, nhưng Thiên tú cũng lại dâng cả về triều. Ông Trương phúc Du và ông Nguyễn-cử-Trinh xin dời doanh Long hò (nguyên ở xú Cái bầu châu Định viễn) đến xứ Tầm bào (nay là tỉnh ly Vĩnh long) Ở Sa du thì đặt làm đạo Đóng khẩu ở Tiền giang thì đặt làm đạo Tân châu, ở Hậu giang thì đặt làm đạo Châu đốc (Năm Minh mệnh thứ 13 (1832) lấy đất Tân châu Châu đốc và tách 2 huyện ở phủ Định viễn (nguyên thuộc Vĩnh long mà đặt ra làm tỉnh An giang, Gia định, Biên hòa, Định tường, Vĩnh long, An giang, Hà-tiên đó là

Nan kỳ lục tỉnh) lấy 5 phủ Hương áo thuộc về Hà Tiên, đặt làm đạo Long xuyên và đạo Kiên giang.

Đó là nước ta đã lấy được toàn cảnh Nam-kỳ ngày nay mà bước đường nam tiến đã là đến giáp tận bờ bắc Nam vây.

Tục Chân lập sùng tín đạo Phật, vốn từ nước Phù nam khi xưa truyền lại, trong nước chùa quán rất nhiều. Chỗ vua ở, chôn gỗ làm trại, đắp đất làm thành nhà lợp bằng lá. Những đồ dùng phần nhiều là đồ vàng bạc, nên ngạn ngữ ta có câu « phú quý Chân lập ». Quan trật số 10 là trên mà số 1 là dưới. Các quan vào ra mắt vua phải quỳ gối mà đi vào. Nhà cửa của dân thì rất chật hẹp. Cách ăn mặc chỉ dùng mảnh vải hoa sặc sỡ quàng ngang lưng chứ không có quần áo.

Tính từ sau khi nước ta độc lập, bắt đầu từ năm Ứng thiên thứ 8 (1000) đời vua Đại hành nhà Tiền Lê quân ta khởi vào đánh Chiêm thành, cho đến năm Cảnh hưng thứ 19 (1758) đời vua Hiền tôn nhà Hậu Lê mà tức là năm thứ 20 đời Võ-  
vương Nam triều, ta lấy được hết đất Thủ Chân lập, trong khoảng hơn bầy trăm năm đó dân tộc ta đã tiến về mặt Nam mà chinh phục được Chiêm thành Chân lập mở mang bờ cõi được hai phần ba đất Trung kỳ và toàn cảnh Nam kỳ, tức là vào nửa phần đất nước ta ngày nay, qua ngàn vượt bắc, gội gió tắm mưa, cái công phu khai thác gian nan của các đường tiên dân ta xưa thật có đại tạo cho chúng ta ngày nay vậy. Tiếc vì thời thế biến thiên, vận hội đồi khác, cho nên bước đường nam

tiến của ta thế lực bành trướng của ta, chỉ có đến  
đấy làm hạn; chứ nếu không thì biết đâu rằng  
đến bấy giờ bước đường nam tiến của ta lại chẳng  
xoay ra tây tiến mà làm cho nước Xiêm la sẽ không  
ăn ngon ngủ yên được với ta rồi. Nhưng mà thôi  
ba kỳ đất nước, nghìn dặm non sông, cứ cái thô  
địa ấy, cứ cái giang sơn này, anh em chị em hơn  
hai mươi triệu đồng bào, nếu ta biết nghĩ đến cái  
công phu người trước, lo đến cái vận mệnh tơ ơng  
lai, mà biết cùng nhau tự tu tự tinh, bảo nhau tự  
phấn tự cường, thì cũng không phải là không đủ  
cho ta có thể lập nên một nước trang nghiêm sán  
cạn. Chỉ e rằng bà con ta sống say chết mộng,  
không biết mở mắt mà trông sau trông trước đê  
lò lấy sự sinh tồn ở dũa cái buồm đời cạnh tranh  
ưu thắng liệt bại, thì dù tôi tiên ta ngày xưa có  
chiếu khó đỡ máu rụng đầu đê khai thác được bời  
lối đất dai rộng rãi hơn nữa, nhưng nào có làm  
gì! nào có làm gì!

Núi kia ai đắp nên cao?

Sông kia bờ nọ ai đào nên sâu?

Mong rằng đồng bào ta đọc cuốn « Lịch sử  
Nam tiến » này sẽ biết cảm nhớ đến công nghiệp  
của ông cha mà biết tự giác ngộ ra thì cái công  
phu nhỏ mọn của kẻ viết cuốn sử này, au cũng  
không đến nỗi là vô bổ vậy.

HẾT

ĐÃ CÓ BÁN :

1. - QUỐC VĂN PHÒ THÔNG ĐỘC BẢN  
*Lớp Đồng-đấu của ô. Bùi-huy-Huê* 7\$00
2. - QUỐC VĂN PHÒ THÔNG ĐỘC BẢN  
*Lớp Dụ-bị của ô. Bùi-huy-Huê* 7\$00
3. - QUỐC VĂN PHÒ THÔNG ĐỘC BẢN  
*Lớp Sơ-đảng của ô. Bùi-huy-Huê* 8\$00
4. - 500 BÀI TÍNH ĐỐ *của ô. Bùi-Huy-Huê*  
*Soạn lại theo hóa-giá hiện-thời* 10\$00
5. - 100 BÀI LUẬN QUỐC VIỆT (có bài làm mẫu  
*(lớp Ba, lớp Nhì, lớp Tứ, năm).* Soạn theo  
Chương-trình của Bộ Quốc-gia Giáo-duc  
*của ô. Bùi-Huy-Huê* 6\$00
6. - QUỐC VĂN KHAI TÂM *của ô. Trần-huy-Bé*  
*(5 ngày biết đọc, biết viết)* 5\$00
7. - NAM HẢI VĨ NHÂN (Duyệt y)  
*Sách giáo-khoa bậc Trung, Tiểu-học*  
*của cụ Tiên-si Nguyên-si-Giac* 6\$00
8. - TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG (Duyệt y)  
*(Lớp Năm) của ô. Vũ-trong-Yên* 5\$00
9. - TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG (Duyệt y)  
*(Lớp Ba và lớp Tư) của cụ Nguyên-can-Mông*  
*và ô. Vũ-trong-Yên* 8\$00
10. - CÔNG DÂN GIÁO DỤC PHÒ THÔNG  
*của ô. Nhất-Hoành-So'n*  
*(Đã được hội đồng duyệt sách duyệt-y làm sách*  
*giáo-khoa dùng trong các trường tiểu học)* 12\$00

ĐÃ XUẤT BẢN :

THUYẾT ĐƯỜNG	{	(Quyền nhã)
(Trọn bộ 2 quyển)	{	(Quyền nhì)
LA THÔNG TẢO BẮC	...	
HÁN SỞ TRANH HÙNG	{	(Quyền thương)
tức TÂY HÁN CHÍ	{	(Quyền hạ).
TÂY DU	{	(Quyền nhất) . . . .
(Trọn bộ 3 quyển)	{	(Quyền nhì). . . .
CHIỀU QUÂN CỐNG HỒ	...	
THỦY HỮU	{	(Quyền nhất).
(Trọn bộ 3 quyển)	{	(Quyền nhì) .
(Trọn bộ 3 quyển)	{	(Quyền ba) .
CHUNG VÔ DIỆM	{	(Quyền nhất)
(Trọn bộ 3 quyển)	{	(Quyền nhì) .
(Trọn bộ 2 quyển)	{	(Quyền ba) .
QUÁN GIÓ <i>Tiểu thuyết</i> của Ngọc-Giao		
SÁC CHẾT TRONG BỒ	{	(trình thí m'
TRĂM NĂM SAU CÓ GÌ LÀ	(loại pí	
PHONG KIẾM XUÂN THU	{	(Quyền)
(Trọn bộ 2 quyển)	{	(Quyền)
CHINH ĐÔNG	{	(Quyền)
(Trọn bộ 2 quyển)	{	(Quyền)
NGƯỜI TÌNH NGUY HIỂM		
(trình thám tiểu thuyết) của Trần-i		
LỊCH SỬ NAM HIẾN CỦA DÂN TỘ		
của Trúc Khê		
BA - GIAI TÚ - XUẤT		
Đã ra tập thứ tư, mỗi tập		

Nhà in Văn-Hồng-Thịnh -

Trung, Nam, Mên : 68